

Số: 21/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 06 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa,
đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện các công trình,
dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 17/9/2012 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) tỉnh Ninh Bình;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tại Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 20/6/2017 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận chuyển mục đích sử dụng 180,13 ha đất trồng lúa; 22,06 ha đất rừng phòng hộ, 0,02 ha đất rừng đặc dụng để thực hiện 110 công trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 06/7/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, NN&PTNT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIV;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện, thành ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quảng



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ,
ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

(Xem theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị: Ha

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Cơ sở pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
	TOÀN TỈNH				202,21	180,13	22,06	0,02
A	THÀNH PHỐ NINH BÌNH				18,78	18,78	0,00	0,00
I	Đất ở				15,61	15,61	0,00	0,00
1	Khu dân cư thôn Thượng Bắc	Xã Ninh Nhất	Văn bản số 649/UBND -VP4 ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh Ninh Bình	QHSDĐ	0,86	0,86		
2	Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không	Xã Ninh Nhất	Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình	QHSDĐ	9,80	9,80		
3	Tái định cư phục vụ GPMB	Phường Ninh Khánh	Văn bản số 448/SXD-QLKT ngày 20/4/2017 của Sở xây dựng	QHSDĐ	2,00	2,00		
4	Khu dân cư Bắc thôn Ích Duệ	Xã Ninh Nhất	Nghị quyết số 04/2017/NQ -HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh	QHSDĐ	2,63	2,63		
5	Khu dân cư Nguyễn Xá 2	Xã Ninh Nhất	Nghị quyết số 04/2017/NQ -HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh	QHSDĐ	0,17	0,17		
6	Khu dân cư Vườn trên	Phường Ninh Sơn	Văn bản số 146/UBND -VP4 ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh	QHSDĐ	0,15	0,15		
II	Đất năng lượng				0,01	0,01	0,00	0,00
1	ĐZ 110KV Phúc Sơn	Phường Ninh Sơn		QHSDĐ	0,01	0,01		
III	Đất cụm công nghiệp				0,56	0,56	0,00	0,00

22

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Căn cứ pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	Xây dựng khu sản xuất và kinh doanh đồ gỗ thủ công mỹ nghệ	Phường Ninh Phong	Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh	QHSDĐ	0,56	0,56	0,0	0,0
IV	Đất thương mại dịch vụ				0,50	0,50	0,00	0,00
1	Cửa hàng xăng dầu	Xã Ninh Phúc			0,50	0,50		
V	Đất chợ				2,10	2,10	0,00	0,00
1	Chợ đầu mối rau quả	Xã Ninh Tiến			2,10	2,10		
B	HUYỆN HOA LƯ				39,92	39,92	0,00	0,00
I	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh				0,75	0,75	0,00	0,00
1	Xây dựng cơ sở sản xuất hàng may mặc của Công ty TNHH may Đông Thịnh Hưng	Xã Ninh An	Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh	Điều chỉnh QHSDD	0,75	0,75		
II	Đất thủy lợi				0,70	0,70	0,00	0,00
1	Xây dựng trạm bơm Khả Liệt	Xã Ninh Khang	Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh	Điều chỉnh QHSDD	0,50	0,50		
2	Nâng cấp kênh tiêu, xã trạm bơm Cống Sứ	Xã Ninh Thắng		Điều chỉnh QHSDD	0,20	0,20		
III	Đất năng lượng				0,02	0,02	0,00	0,00
1	Xây dựng Trạm biến áp 110KV khu công nghiệp Phúc Sơn (Bổ sung)	Xã Ninh An		Điều chỉnh QHSDD	0,02	0,02		
IV	Đất Giao thông				2,48	2,48	0,00	0,00
1	Xây dựng đường giao thông	Xã Ninh Giang	Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình	Điều chỉnh QHSDD	0,50	0,50		
2	Nâng cấp đường giao thông	Xã Ninh Giang		Điều chỉnh QHSDD	0,12	0,12		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Cơ sở pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
3	Đường giao thông nội thị đi xã Ninh Giang	TT Thiên Tôn		Điều chỉnh QHSDD	0,50	0,50		
4	Xây dựng đường giao thông	Xã Ninh Mỹ		Điều chỉnh QHSDD	0,40	0,40		
5	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ thôn La Phù đi thôn Phú Gia	Xã Ninh Mỹ	Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND huyện Hoa Lư	Điều chỉnh QHSDD	0,16	0,16		
6	Dự án cải tạo nâng cấp đường giao thông vào khu kinh tế mới hàng Bù kết hợp vào điểm du lịch Thạch Bích - Thung Nắng	Xã Ninh Hải	Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh	Điều chỉnh QHSDD	0,80	0,80		
V	Đất ở				33,34	33,34	0,00	0,00
1	Khu dân cư Thổ Trì	Xã Ninh Mỹ			9,50	9,50		
2	Khu dân cư Bờ đìa Hạ Dạn	Xã Ninh Khang		Điều chỉnh QHSDD	0,85	0,85		
3	Khu dân cư Ngõ Thượng	Xã Ninh Hòa		Điều chỉnh QHSDD	6,34	6,34		
4	Khu dân cư Quán Vinh	Xã Ninh Hòa		Điều chỉnh QHSDD	9,20	9,20		
5	Khu dân cư đồng San, đồng Vụng	Xã Ninh Mỹ		Điều chỉnh QHSDD	1,45	1,45		
6	Khu dân cư đồng Dực	Xã Ninh Giang		Điều chỉnh QHSDD	5,20	5,20		
7	Chuyển mục đích sử dụng trong khu dân cư	Các xã huyện Hoa Lư			0,80	0,80		
VI	Đất nghĩa trang, nghĩa địa				0,50	0,50	0,00	0,00
1	Mở rộng nghĩa trang liệt sĩ khu đồng Dừa	Xã Ninh Giang		Điều chỉnh QHSDD	0,50	0,50		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Cơ sở pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
VII	Đất cụm công nghiệp				2,00	2,00	0,00	0,00
1	Mở rộng cụm công nghiệp làng nghề đá	Xã Ninh Vân		QHSDD	2,00	2,00		
VIII	Đất Giáo dục				0,13	0,13	0,00	0,00
1	Mở rộng trường THCS Ninh Giang	Xã Ninh Giang		Điều chỉnh QHSDD	0,13	0,13		
C	HUYỆN GIA VIỄN				34,26	34,24	-	0,02
I	Đất ở				14,51	14,51	-	-
1	Khu dân cư nông thôn (Thềm Đình)	Xã Gia Hòa			1,90	1,90	-	
2	Khu dân cư nông thôn (Rộc Chua)	Xã Gia Hòa			3,68	3,68	-	
3	Khu dân cư (xen kẹt)	Xã Gia Lạc			1,40	1,40	-	
4	Khu dân cư (xen kẹt)	Xã Gia Lạc			1,33	1,33		
5	Khu dân cư nông thôn phía Đông đường 477	Xã Gia Vượng			3,24	3,24		
6	Khu dân cư nông thôn (4 khu: Sách thuộc, cỏ ngưa, bờ kênh, Xóm cạ)	Xã Gia Phong			0,40	0,40		
7	Khu dân cư	Xã Gia Vân			1,20	1,20		
8	Khu dân cư	Xã Gia Thanh			1,36	1,36		
II	Đất cơ sở giáo dục đào tạo				2,85	2,85	-	-
1	Trường mầm non tư thục	Thị trấn Me			2,85	2,85	-	
III	Đất năng lượng				1,04	1,02	-	0,02
		Xã Gia Minh			0,08	0,08	-	
		Xã Gia Phong			0,09	0,09		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Cơ sở pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	Đường dây 220kv Nho Quan-Thanh Nghi	Xã Gia Lạc	Văn bản số 335/UBND-VP3 ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình		0,13	0,13		
		Xã Gia Lập			0,35	0,33	0,02	
		Xã Gia Phương			0,10	0,10		
		Xã Gia Thanh			0,12	0,12		
		Xã Gia Trung			0,17	0,17		
IV	Đất giao thông				3,40	3,40	-	-
1	Đường phục vụ nông thôn mới, sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm các xã	Xã Gia Tân, Xã Gia Tiến và Xã Gia Thắng	Quyết định số 1695a/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh		0,20	0,20		
2	Đường Lãng Phát tích nổi dài	Xã Gia Phương			1,10	1,10		
3	Đường vào Cụm công nghiệp Gia Vân	Xã Gia Vân			2,10	2,10		
V	Đất thủy lợi				6,19	6,19	-	-
1	Nâng cấp trạm bơm thuộc hệ thống tá Hoàng Long	Xã Gia Trung, xã Gia xã Tân, Gia Hòa, xã Gia Thắng			1,83	1,83		
2	Nạo vét tuyến thoát lũ sông Hoàng Long	Xã Gia Trung			0,89	0,89		
3	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn huyện Kim Sơn, Gia Viễn, Hoa Lư tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 1)	Xã Gia Thanh, xã Gia Hòa, xã Gia Vân, xã Gia Tân, xã Gia Phương	Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của UBND tỉnh Ninh Bình		3,16	3,16		
4	Nạo vét tuyến thoát lũ Đầm Cút	Xã Gia Hưng			0,31	0,31		
VI	Đất thương mại dịch vụ				2,40	2,40	-	-
1	Cửa hàng xăng dầu Gia Vương	Xã Gia Vương			0,40	0,40		
2	Khu du lịch sinh thái	Xã Gia Hòa			2,00	2,00		
VII	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp				2,37	2,37	-	-

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Cơ sở pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	Nhà Máy nước Hoàng Long	Xã Gia Phú	Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình		0,34	0,34		
2	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất gạch không nung	Xã Gia Thanh	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình	QHSDĐ	2,03	2,03		
VIII	Đất An ninh				1,50	1,5	0	0
1	Doanh trại cảnh sát PCCC	Xã Gia Tân	Văn bản số 1040/BCA-C66 ngày 16/5/2017 của Bộ Công an		1,50	1,5		
D	HUYỆN NHO QUAN				55,79	33,73	22,06	-
I	Đất trụ sở cơ quan				0,50	0,50	-	-
1	Mở rộng khuôn viên trụ sở HĐND-UBND xã Sơn Hà	Xã Sơn Hà		QH SDD	0,50	0,50		
II	Đất quốc phòng				1,70	0,70	1,00	-
1	Thao trường huấn luyện Trung Đò	Xã Gia Tường		QHSDD	1,70	0,70	1,00	
III	Đất an ninh				0,50	0,50	-	-
1	Trụ sở cảnh sát PCCC	Xã Văn Phong	Thông báo số 17/TB-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh	QHSDĐ	0,50	0,50		
IV	Đất ở				2,47	2,47	-	-
1	Khu dân cư nông thôn	Xã Gia Thủy			0,26	0,26		
2	Khu dân cư nông thôn	Xã Đồng Phong			1,04	1,04		
3	Khu dân cư nông thôn	Xã Ký Phú			0,67	0,67		
4	Khu dân cư nông thôn	Xã Văn Phương			0,50	0,50		
V	Đất sản xuất vật liệu xây dựng				18,64	0,14	18,50	-
1	Mở rộng dự án khai thác mỏ đá Thung Chuồng	Xã Đức Long	Giấy phép số 30/GP-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình	QHSDĐ	0,14	0,14		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Cơ sở pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
2	Dự án khai thác và chế biến đá vôi mỏ đá Quyền Giang của Công ty Hà Nam Ninh	Xã Xích Thổ	Giấy phép số 41/GP-UBND ngày 24/6/2011 của UBND tỉnh Ninh Bình	QHSDĐ	18,00		18,00	
3	Dự án khai thác đá mỏ đá Hang Luồn	Xã Xích Thổ		QHSDĐ	0,50		0,50	
VI Đất giao thông					10,85	10,85	-	-
1	Tuyến đường tránh thị trấn Nho Quan	Xã Văn Phong	QĐ số 1350/QĐ-BGTVT ngày 29/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải		7,21	7,21		
		Xã Đồng Phong			3,64	3,64		
VII Đất công trình năng lượng					0,72	0,72	-	-
1	Dự án đường dây 220kv Nho Quan-Thanh Nghị và mở rộng trạm 500/220kv Nho Quan	Xã Đồng Phong			0,18	0,18		
		Xã Lạng Phong			0,18	0,18		
		Xã Thượng Hòa			0,18	0,18		
		Xã Thanh Lạc			0,18	0,18		
VIII Đất nghĩa trang, nghĩa địa					4,09	1,53	2,56	-
1	Mở rộng nghĩa địa	Xã Phú Long			2,56		2,56	
2	Mở rộng nghĩa trang thôn Ráy	Xã Sơn Thành			0,03	0,03		
3	Mở rộng nghĩa trang các thôn Tiễn Phương 1, Tiễn Phương 2, Xuân Viên, Rộng, Bồng Lai	Xã Văn Phương			1,50	1,50		
IX Đất dịch vụ, thương mại					1,00	1,00	-	-
1	Trụ sở ngân hàng chính sách xã hội	Xã Văn Phong			0,20	0,20		
2	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Xã Quỳnh Lưu	Văn bản số 869/UBND-VP4 ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình		0,30	0,30		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Cơ sở pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
3	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Xã Phú Lộc	Văn bản số 869/UBND-VP4 ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình		0,50	0,50		
X	Đất sản xuất kinh doanh				15,32	15,32		
1	Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ công ty Hà Thành	Xã Gia Lâm			0,30	0,30		
2	Kho xăng dầu Công ty CP xăng dầu đầu khí Ninh Bình	Xã Đồng Phong			5,20	5,20		
3	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy giấy Regis	Xã Văn Phong	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh	QHSDĐ	9,82	9,82		
E	THÀNH PHỐ TAM DIỆP				1,62	1,62		
1	Trang trại nuôi trồng thủy sản và trồng rau sạch	Phường Yên Bình			1,62	1,62		
F	HUYỆN YÊN KHÁNH				13,35	13,35	0,00	0,00
I	Đất ở				0,28	0,28	0,00	0,00
1	Khu dân cư nhỏ lẻ xen kẹt	Xã Khánh An			0,28	0,28		
II	Đất XD công trình sự nghiệp khác				0,51	0,51	0,00	0,00
1	XD hệ thống xử lý môi trường làng nghề bún bánh Yên Ninh, huyện Yên Khánh	Thị trấn Yên Ninh	Quyết định số 01/QĐ-STNMT-DA ngày 03/01/2013 của Sở TNMT Ninh Bình	Điều chỉnh QHSDĐ	0,51	0,51		
III	Đất thương mại dịch vụ				11,56	11,56	0,00	0,00
1	Cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại	Thị trấn Yên Ninh		Điều chỉnh QHSD	2,23	2,23		
2	Xây dựng Nhà máy nước sạch	Thị trấn Yên Ninh		Điều chỉnh QHSL	0,28	0,28		
3	Sản xuất kinh doanh tổng hợp	Xã Khánh Cư		Điều chỉnh QHSD	1,00	1,00		

u

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Cơ sở pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
4	Xây dựng cảng bốc xếp hàng hóa, vật liệu kho bãi	Xã Khánh Hải	Điều chỉnh QHSD		8,05	8,05		
IV	Đất nông nghiệp khác				1,00	1,00	0,00	0,00
1	Trang trại tổng hợp	Xã Khánh Cư			1,00	1,00		
G	HUYỆN YÊN MÔ				16,68	16,68	0,00	0,00
I	Đất ở				6,37	6,37	0,00	0,00
1	Khu dân cư nông thôn	Xã Yên Đồng			0,73	0,73		
2	Khu dân cư nông thôn	Xã Yên Lâm			0,70	0,70		
3	Khu dân cư nông thôn	Xã Yên Mỹ			0,80	0,80		
4	Khu dân cư nông thôn	Xã Khánh Dương			1,79	1,79		
5	Khu dân cư nông thôn	Xã Yên Thành			1,60	1,60		
6	Khu dân cư nông thôn	Xã Mai Sơn			0,75	0,75		
II	Đất giáo dục				0,16	0,16		
1	Mở rộng trường mầm non	Thị trấn Yên Thịnh	QĐ số 165/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND huyện	Điều chỉnh QHSDD	0,16	0,16		
III	Đất tổ chức sự phiệp				0,15	0,15		
1	Xây dựng trụ sở BHXH	Thị trấn Yên Thịnh	QĐ số 274/QĐ-BHXH ngày 23/02/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Điều chỉnh QHSDD	0,15	0,15		
IV	Đất giao thông				5,76	5,76	0,00	0,00
1	Đường cứu nạn (Công an đi Khương Du)	Thị trấn Yên Thịnh	Quyết định 530/QĐ-UBND ngày 5/8/2011 của UBND tỉnh	Điều chỉnh QHSDD	0,50	0,50		
2	Đường sau Công an đi chùa Tháp	Thị trấn Yên Thịnh			2,67	2,67		

u

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Cơ sở pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
3	Đường ôtô đến trung tâm xã (Tuyến từ bà Cảnh đến Khánh Thượng)	Xã Mai Sơn	Quyết định 520/QĐ-UBND ngày 27/5/2010 của UBND tỉnh	Điều chỉnh QHSDD	0,12	0,12		
4	Đường ôtô đến trung tâm xã (Tuyến từ công bà Phòng đến Khánh Thượng)	Xã Mai Sơn	Quyết định 520/QĐ-UBND ngày 27/5/2010 của UBND tỉnh	Điều chỉnh QHSDD	0,20	0,20		
5	Đường từ khu Lợi Hòa đến công làng Đông Yên	Xã Yên Lâm		Điều chỉnh QHSDD	0,80	0,80		
6	Bến xe phía Nam	Xã Mai Sơn		Điều chỉnh QHSDD	1,47	1,47		
V	Đất Thủy lợi				0,25	0,25	0,00	0,00
1	Mương phía đông Giấy da	Xã Yên Lâm			0,25	0,25		
VI	Đất cụm công nghiệp				3,49	3,49		
1	Cụm công nghiệp Mai Sơn	Xã Mai Sơn	Quyết định 1619/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh	Điều chỉnh QHSDD	3,49	3,49		
VII	Đất sản xuất kinh doanh				0,50	0,50	0,00	0,00
1	Cơ sở sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ	Xã Yên Mỹ			0,50	0,50		
H	HUYỆN KIM SƠN				21,81	21,81	0,00	0,00
I	Đất nghĩa trang, nghĩa địa				0,87	0,87	0,0	0,0
1	Mở rộng nghĩa trang xóm 1	Xã Thượng Kiệt			0,87	0,87		
II	Đất sinh hoạt cộng đồng				0,06	0,06	0,0	0,0
1	Nhà Văn hóa xóm 5, xóm 7A	Xã Kim Chính			0,06	0,06		
III	Đất Tôn giáo				1,27	1,27	0,00	0,00
1	Xây dựng chùa Duy Hòa	Xã Ân Hòa			1,14	1,14		
2	Mở rộng giáo xứ Xuân Hồi	Xã Xuân Thiệp			0,13	0,13		

u

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, phường)	Cơ sở pháp lý		Tổng diện tích cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	Trong đó		
			Văn bản về đầu tư	Quy hoạch sử dụng đất		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
IV	Đất thương mại dịch vụ				5,68	5,68	0,00	0,00
1	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Xã Lưu Phương	Văn bản số 869/UBND-VP4 ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình	Điều chỉnh QHSDD	0,38	0,38		
2	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ	Xã Lưu Phương			5,3	5,3		
V	Đất An ninh				0,5	0,5	0	0
1	Trụ sở cảnh sát PCCC	Xã Lưu Phương			0,5	0,5		
VI	Đất ở				12,43	12,43	0	0
1	Khu dân cư nông thôn	Xã Lưu Phương			2,95	2,95		
2	Khu dân cư nông thôn	Xã Hùng Tiến			2	2		
3	Khu dân cư nông thôn	Xã Kim Chính			5,98	5,98		
4	Khu dân cư nông thôn	Xã Ân Hòa			1,5	1,5		
VII	Đất nông nghiệp khác				1,0	1,0	0	0
1	Trang trại tổng hợp	Xã Quang Thiện			1,0	1,0		

NINH B